

Nguyễn Thập (1554 - 1637)

Trong sách *Tang thương ngẫu lục*, truyện *Cụ Thái tể tôi*, tác giả là Nguyễn Án viết về ông tổ tám đời của mình như sau: “Cụ tổ tám đời nhà tôi là Thái tể Trung Thuận, húy là Thập, người làng Vân Diêm huyện Đông Ngàn. Đời ông của người húy là Bồn, tặng phong Thái bảo Duyên phúc hầu”.

Làng Vân Diêm ấy có tên nôm là Kẻ Đóm và nay thuộc xã Vân Hà, huyện Đông Anh.

Ông Bồn sinh ra ông Vĩ. Ông Vĩ được học hành nhưng không thi cử gì, Ông làm nghề thầy đồ dạy trẻ trong làng. Năm 30 tuổi ông sinh con trai đầu lòng, đặt tên là Bảo. Lúc đó là năm Quang Bảo thứ hai đời Mạc Phúc Nguyên (1554). Cũng vào lúc đó nhà Lê đã trung hưng ở Thanh Hoá và là năm Thuận Bình thứ bảy đời Lê Trung Tông (Mãi 41 năm sau, Bảo mới có tên là Thập).

Nguyễn Thập thông minh đĩnh ngộ, bốn tuổi đã thuộc mặt chữ, 12 tuổi làm được thơ phú, đến năm 18 tuổi thì lầu thông kinh sử. Khi đó ở bên làng Ông Mạc (tên nôm là làng Me) có ông Đàm Cư, Nhị giáp Tiến sĩ, làm quan với nhà Mạc đến chức Thượng thư, có quân công nên được vua Mạc đem mấy xã Ông Mạc, Kim Thiều, Vân Diêm, Thiết Ứng cho làm ấp phong. Ông Đàm xây dinh thự ở quê, bắt dân ở các xã trong ấp phong tới phục dịch. Nguyễn Thập cũng bị bắt đi phu sang làng Me. Hôm ấy Thập đang đội đất đắp nền thì gặp ông Đàm Cư cũng đang đi xem xét công việc. Thấy anh dân phu nhanh nhẹn mà có vẻ nho nhã, ông Đàm bèn gọi lại, hỏi gốc gác, tên tuổi rồi ra cho anh một vế câu đối bắt đối. Vế ấy như sau: *Thập bát lục năng đảm thổ*: Nghĩa là: Mười tám có sức đội đất. Thập không cần phải nghĩ lâu, xin đối ngay: *Cửu ngũ long phi tại thiên*: Nghĩa là: Chín năm rồng bay tại trời. Ông Đàm tấm tắc khen, lập tức tha không bắt đi phu nữa. Lại thưởng cho mấy quan tiền và truyền cho huyện tuần từ nay miễn mọi sai dịch cho Thập. Ông Đàm nói với người nhà: “Thằng ấy ngày sau sự nghiệp ghê gớm lắm, ta đây không theo kịp đâu”. Ít lâu sau, ông còn gọi gả cho Nguyễn Thập cô cháu gái út của ông, cô Đàm Thị Thành.

Sau khi đỗ Hương cống, Nguyễn Thập không xin bổ dụng làm quan, chỉ một mực nói là: cốt học để biết luân thường đạo lý mà thôi. Thực ra ông đã nhìn thấy sự sụp đổ không tránh khỏi của nhà Mạc. Ông chờ nhà Lê trở về và điều đó đến thật. Năm 1591, Trịnh Tùng đánh tới Thăng Long. Nhà Mạc khi thì bỏ chạy, khi thì chiếm lại, tới năm 1593 thì vĩnh viễn bỏ kinh đô Thăng Long, lên Cao Bằng. Sang năm 1594, vào tháng 3 âm lịch, Trịnh Tùng đưa vua Lê Thế Tông về Thăng Long. Năm sau mở khoa thi Hội. Trải bao năm chiến tranh, các trường thi cũ bị tàn phá chưa được dọn dẹp sửa sang lại. Vua Lê quyết định tổ chức thi ở ngay trên Bến Cò (chữ Hán gọi là Thảo Tân, nay là khu vực ở mé sau Nhà hát lớn Thành phố). Hơn hai trăm cống sĩ về thi. Xong ba kỳ Hội, một kỳ Đình, ⁽¹⁾ có sáu người đỗ tiến sĩ. Nhứt giáp không có ai, Nhị giáp khoa ấy coi là Đình nguyên và người giành được vinh quang ấy chính là Nguyễn Bảo người làng Vân Diêm. Năm ấy ông đã 41 tuổi, vua Lê ngự bút cải tên ông ra là Nguyễn Thập (còn đọc là Thục). Ít lâu sau, ông được bổ làm Đô cấp sự trung ở Hộ khoa, hàm chánh thất phẩm, và thế là từ đây cho đến khi về trí sĩ, trải 40 năm khi làm tướng văn, khi làm tướng võ, lúc trong triều, lúc ngoài quân, nào là đi sứ, nào đánh giặc... Nguyễn Thập coi như đã đạt tới mức vinh quang nhất mà kẻ sĩ thời xưa vẫn hằng mong mỏi. Vừa là tiến sĩ khai khoa, vừa là công thần hưng quốc. Năm 1634, gần 80 tuổi, ông về trí sĩ, chức tước đang là “Công bộ thượng thư kiêm Quốc tử giám tư nghiệp, kiêm Hàn lâm viện thị độc trưởng, Hàn lâm viện sự Đông các học sĩ, quốc lão tham dự triều chính Thái bảo, Lan Quận công”. Về hưu, được gia phong cung hàm thái phó, Chánh nhất phẩm và được “bắt thi triều kiến”, tức là có thể lúc nào cũng có thể vào triều gặp vua chúa. Ba năm sau, ông mất, được truy tặng là Thái tể, Thụy trung thuận.

Hơn rất nhiều nho sĩ, quan lại cùng thời, Nguyễn Thập là một người có phẩm chất đạo đức tốt đẹp. Phan Huy Chú đã nhận định về ông trong *Lịch triều hiến chương loại chí* (phần *Nhân vật chí*) như sau: “ông là người thuần hậu, trong sạch, cẩn thận, không lập sản nghiệp. Làm quan trải những bước vinh hiển trọng yếu mà nhà vẫn thanh bạch, có phong độ như những danh thần đời xưa”.

Tuy phụng sự vua Lê chúa Trịnh, song Nguyễn Thập không nhất nhất cúi đầu tuân theo ý chúa ý vua. Thấy điều sai trái, ông không ngần ngại gì mà không dám đưa ra ý kiến can ngăn. Có lần vì phải bảo đảm phép nước công minh mà ông đã không nhượng bộ chúa Trịnh. Đó là vụ chặt chân Trịnh Xuân vào năm 1623.

Nguyễn Trịnh Tùng có hai con trai đã lớn là Trịnh Tráng và Trịnh Xuân. Tùng chọn Tráng làm thế tử. Xuân là con thứ, nhân lúc Tùng bị ốm, liền đem quân bán bộ dàn ra ở phường Đình Ngang, rồi ra lệnh đốt phá phường và phủ chúa, định gây áp lực buộc Tùng phải cho mình làm thế tử. Trịnh Tùng phải chạy ra ở nhà người em là Trịnh Đổ ở làng Hoàng Mai thuộc huyện Thanh Trì. Nguyễn Thập thấy cơ sự ấy, đang đêm đánh đường tiền gặp Trịnh Tùng và nói:

- Xuân làm loạn xã tắc, xin cho lệnh triệu Xuân đến đây giả vờ là trao cho binh quyền. Tôi sẽ đem quân mai phục bắt giết đi.

Trịnh Tùng dùng dằng không quyết. Nguyễn Thập hỏi lại:

- Vương thượng coi con hơn hay phép nước hơn?

Tùng cũng không đáp.

Thế là Nguyễn Thập ra thẳng thành gọi Xuân. Gã này hớn hờ đến. Nguyễn Thập cùng Bùi Sĩ Lâm bắt ngay hấn lại, đem chặt một chân. Rồi ông nói với Trịnh Tùng:

- Vương thượng vì tình cốt nhục không nỡ. Tôi đã vì xã tắc chặt chân đứa con bất hiếu, đứa tôi bất trung.

Rõ ràng là, trước sự an nguy của xã tắc, Nguyễn Thập cả gan làm một việc đe dọa sự an nguy đối với tính mạng của mình, vì dù sao đó cũng là một việc làm “phạm thượng”.

Năm 1630 mùa hè tháng 5 (âm lịch) vua Lê Thần Tông lấy con gái của Trịnh Tráng - tên là Ngọc Trúc - làm vợ và lập làm hoàng hậu. Nhưng Ngọc Trúc lại đang là người vợ của Cường quốc công Lê Trụ. Ngọc Trúc đã có bốn con với Lê Trụ. Nay Lê Trụ có tội bị hạ ngục. Trịnh Tráng liền đem Ngọc Trúc gả cho Thần Tông. Thấy việc làm trái đạo lý như vậy, Nguyễn Thập dâng sớ can. Lê Thần Tông không nghe và nói rằng: “Trót đã xong việc, lấy gượng vậy”.

Nguyễn Thập rất ghét bọn tham quan ô lại. Khoảng năm 1632, hai viên Tả Hữu thị lang bộ Lại là Nguyễn Tuấn và Nguyễn Lai, trong việc tuyển bổ các chức vụ quan lại đã ăn dút lót nhiều nên rất giàu. Đường thời có câu ca: *Các chức bị viên, lương Bội tặn điền* (Các chức vụ bổ cho đủ người thì hai làng Bội hết ruộng). Lương Bội là hai làng Bội Thượng, Bội Hạ ở Thanh Hoá, đó là quê quán của Nguyễn Tuấn và Nguyễn Lai, mà bổ cho đủ các chức vụ quan lại thì chúng sẽ đủ tiền mua hết ruộng của hai làng nọ. Thấy chúng quá quắt như vậy, tháng 4 năm 1632 Nguyễn Thập dâng sớ đàn hặc. Tuy chúa Trịnh rất yêu bọn Tuấn, Lai nhưng cũng phải nghe theo Nguyễn Thập mà bãi chức chúng.

Nguyễn Thập có làm thơ nhưng thơ ông bị thất lạc nhiều. Sau này Lê Quý Đôn có sưu tầm được mười bài và chép vào tập *Toàn Việt thi lục*, phần lớn là thơ làm trong khi đi sứ và thơ tả cảnh, thơ thù tiếp.v.v. Nói chung thơ Nguyễn Thập thiếu chất bay bổng, không có gì sâu xa, chỉ được cái là mộc mạc, chân chất, giản dị, giống y như con người ông vậy.

Dưới đây xin chép lại hai bài thơ đi sứ và một bài ông viết khi về trí sĩ.

Phụng sứ dâng trình tự thuật

Vu tung tự sùỵ pháp kinh luân

Thượng quốc quan quang hi dụng tân

Phiếm phiếm Hoàng giang sà quán đầu

Sân sân Chu thấp mã tri ân

Thiên cao phong bệ đăng chiêm cận

Nhật noãn huyền đường nhập vọng tân

Sự tế công thành hoàn quốc tảo

Bình an nhị tự báo quân thân

Giang trung văn điều

Tiên chu phiếm phiếm Tứ tân qua

Tứ cổ giang thiên đài văn hà

Nhan tự tung hoành hồi tử tái

Ngư thoa bát thích ức tình ba

Nguyên Long hồ hải lâm hoài khoáng

Tư Mã sơn xuyên húng thưởng đa⁽²⁾

Thả hỷ đế kinh kim tiếp cận

Tam đình khách phảng thích ngư ca

Trí sĩ giản đồng triều

Tao phùng thịnh vận túc duyên hải

Lam tiểu công minh vị đầu thai

Đài các quy mô trung điển định

Quốc gia sự vụ dự tham bồi

Minh nông tăng xí Chu thần chí

Trí sĩ trùng hân tử lí hồi.

(khuyết hai câu cuối).

Dưới đây là bản dịch của Trần Lê Văn:

Tự thuật về việc đi sứ

Xét mình kém việc kinh luân
Mà đi làm khách sứ thần bên kia
Sông Hoàng thuyền tới sao Khuê
Cối Chu rong ruổi quần gì vó câu
Trời cao bước tới xa đâu
Nắng nôi, nhớ mẹ quay đầu ngóng quê
Mong sao xong việc trở về
Bình an hai chữ trọn bề quân thân.
Chiều giữa sông ngắm cảnh
Bồng bênh sông Tứ, thuyền tiên
Trời sông vương vấn bốn bên ráng chiều
Ài xa cánh nhạn bay vèo
Sóng êm cá lội dật diu thoi đưa
Nguyên Long chí lớn hải hồ
Núi non Tư Mã say sưa khôn cùng
Để kinh gần gũi ta mừng
Ông chài ca hát, thuyền dừng lắng nghe.
Về hưu từ biệt bạn đồng triều
Gặp thời thịnh vận duyên may
Dự nơi cao sáng thân này xứng chưa?
Gác đài, phép tắc quy mô
Nước nhà mình cũng chăm lo góp phần
Chí mong rạng rỡ nghề nông
Quê hương, mừng được thông dong quay về...

Thơ của Nguyễn Thật thực là bằng phẳng. Đôi lúc ông có bắt được cái đẹp của thiên nhiên. Như ở bài *Giang trung vãn điệu*, một lá thuyền ở bên sông Tứ bồng bênh chìm trong ráng chiều, một bầy nhạn đang hàng bay về ải xa, đàn cá dật diu dồn sóng, đó đây vẳng tiếng ca thuyền chài... quả cũng là một cảnh đẹp, thanh thoát, bình dị.

Nhưng nổi bật vẫn là tình cảm của tác giả: đó là sự khiêm tốn, tình nhớ mẹ, lòng yêu quê hương... Đỗ đình nguyên Hoàng giáp mà vẫn tự xét mình là “kém việc kinh luân”.

Khi đi sứ đã gần 50 tuổi, mà vẫn “nắng nôi nhớ mẹ quay đầu ngóng quê”. Khi về hưu thì “quê hương mừng được thông dong quay về”. Đối với Nguyễn Thật, văn cũng tức là người vậy.

Nguyễn Vinh Phúc

Danh nhân Hà Nội, Vũ Khiêu (cb), Nxb Hà Nội, 2004, tr377- 382.

¹⁾ Kể từ khi nhà Lê Trung Hưng (1527) cho đến lúc này, đây là khoa đầu tiên có kỳ thi Đình.

²⁾ Nguyên Long là hiệu của Tần Đăng, một kẻ sĩ thời Tam quốc, hay đi du ngoạn. Tư Mã chỉ Tư Mã Thiên, nhà soạn sử đời Hán, đã đi thăm nhiều nơi núi sông, dĩ tích cũ để viết sách.